

Bản án số: 58/2021/HS-ST

Ngày 25-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Ngọc Minh

+ Bà Lê Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2021/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

- Từ Công T (U), sinh ngày 15-8-2002, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Bàlamôn; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Công D, sinh năm 1970 và bà Ngụ Thị S, sinh năm 1970; Chung sống với bà Y'Drui Kà B, sinh năm 2001 như vợ chồng (Chưa đăng ký kết hôn); có 01 con chung sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cướp giật tài sản”.

Hiện bị cáo Từ Công T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lâm Thế N, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

- **Bị hại:** Bà Thạch Thị Hồng N, sinh năm 1990 (có mặt); Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Em Quảng Đại Anh G, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của em Quảng Đại Anh G:** Ông Quảng Đại B và bà Hán Thị T là cha mẹ ruột; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

2. Em Kiều Thanh R (X), sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- **Người có đại diện hợp pháp của em Kiều Thanh R:** Bà Bá Thị B, sinh năm 1968 là mẹ ruột; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 01/8/2021, Từ Công T cùng Vạn Duy T, Thạch Ngọc K, Trương Văn T và Đồng Văn S tập trung tại ngã tư gần nhà T chơi, lúc này có Đồng V (L) đi bắt một con ngỗng làm thịt. T về nhà lấy một con dao, chảo để làm và luộc thịt ngỗng. Đến rạng sáng ngày 02/8/2021, sau khi ăn xong, T, K, S, T, Vỹ đi về, T ở lại dọn dẹp và mang đồ về nhà. T lấy khẩu trang và cầm theo con dao trước đó dùng làm thịt ngỗng đi đến nhà chị Thạch Thị Hồng N ở bên cạnh nhà T để trộm cắp tài sản. Do cửa cổng chính khóa nên T trèo lên tường rồi chui qua lỗ hở lưới B40 để vào trong sân nhà chị N. Khi vào nhà, T thấy chị N và hai đứa con của chị N đang ngủ tại phòng khách. T đi lục tìm tài sản để trộm cắp, T tìm thấy trong hộc tủ ti vi lấy được một điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475 của chị N rồi tiếp tục lấy chiếc khóa ra mở cửa cổng nhà chị N. Sau đó T quay lại lục tìm trong ba lô treo trên tường bên cạnh phòng chị N đang ngủ để trộm cắp tài sản nhưng không có, T lấy một cái quần trong ba lô trùm lên đầu của mình rồi đi vào phòng chị N đang ngủ tiếp tục lục tìm tài sản nhưng không có. Thấy chị N

đang ngủ với hai đứa con nhỏ nên T nảy sinh ý định và thực hiện hành vi giao cấu với chị N. T đến kéo mềm thì chị N tỉnh dậy, T liền cầm dao đe dọa “im đi không thì tao giết” nên chị N không dám kháng cự, T thực hiện hành vi giao cấu. Sau khi quan hệ tình dục xong, T mang theo điện thoại và con dao trên về nhà cất giấu, rồi mang khẩu trang cùng cái quần đã lấy trong nhà chị N vứt xuống ruộng Giang ở thôn H, xã P, huyện N để phi tang.

Căn cứ lời khai của Từ Công T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm, phát hiện và thu giữ tại nhà T một điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475 của chị N và một con dao mà T đã dùng khống chế chị N để thực hiện hành vi giao cấu.

Tại Bản giám định pháp y về tình dục số 13/TD, ngày 03/8/2021 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Ninh Thuận, kết luận: Màng trinh: Hình vành khăn, lỗ màng trinh giãn rộng, có vết rách cũ vị trí 03 giờ và 09 giờ. Bầm, sung huyết nhẹ vị trí 06 giờ, 07 giờ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KLĐGTS-PTCKH ngày 19/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện N xác định: Giá trị chiếc điện thoại của chị N, bị T chiếm đoạt có giá trị là 1.431.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi một ngàn đồng).

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo do không đủ định lượng, ngày 01/11/2019, T bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Cướp giạt tài sản”, thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, tại thời điểm phạm tội trên, T chưa đủ 18 tuổi, do đó căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự, T được xóa án tích về tội Cướp giạt tài sản. Mặt khác, T chưa có tiền sự về hành vi xâm phạm sở hữu. Ngoài ra chị N khai còn bị mất tiền mặt là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của chị N không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh chị bị mất tiền và T không thừa nhận có việc trộm của chị N số tiền 1.000.000 đồng nên không có căn cứ xử lý về trách nhiệm hình sự và dân sự.

Từ Công T có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị Thạch Thị Hồng N và sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử phạt hành chính theo Quyết định số 0001149, ngày 30/9/2021 với hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng nên không đề cập trong vụ án này.

Từ Công T khai khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn có Quảng Đại Anh G cùng tham gia. Quá trình điều tra, G không thừa nhận cùng T thực hiện hành vi trộm cắp, mặt khác tài sản bị chiếm đoạt chưa đủ định lượng và G chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xử lý đối với G về hình sự và dân sự.

Về việc Từ Công T khai cùng Quảng Đại Anh G, Vạn Duy T, Thành Phú D, Kiều Thanh R và một số đối tượng khác sử dụng trái phép chất ma túy. Vụ việc đã được Công an xã P lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2021, chị Thạch Thị Hồng N có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Từ Công T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Không.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS..

- Về thu giữ và xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475. Đây là tài sản mà T đã chiếm đoạt của chị N, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị N, là có căn cứ nên chấp nhận.

+ 01 (Một) con dao có chiều dài 25,5 cm. Phần cán dao bằng nhựa màu đen, chiều rộng cán dao lớn nhất là 2,8 cm, chiều rộng cán dao nhỏ nhất là 2,4 cm, cán dao có chiều dài 11 cm. Phần lưỡi dao bằng kim loại là 04 cm, chiều rộng nhỏ nhất của lưỡi dao là 2,7 cm. Đây là con dao T dùng để gây án, qua điều tra xác định con dao này của mẹ ruột T là bà Nguyễn Thị S mua sử dụng. Bà S không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với khẩu trang màu xanh dương và chiếc quần ngắn sáng màu mà T sử dụng khi gây án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không xét đến.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Thạch Thị Hồng N yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm với số tiền 10.000.000đ, bị cáo Từ Công T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị N, nhưng đến nay chưa bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo Từ Công T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKS-HS, ngày 18-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Từ Công T (U) về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Từ Công T (U) phạm tội “Hiếp dâm”. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s (Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Từ Công T (U) từ 02 (Hai) năm tù (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù,

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 36/2019/HSST, ngày 01-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện N chuyển thành 12 (Mười hai) tháng tù giam. Buộc bị cáo Từ Công T (U) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 03 (Ba) năm tù (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 02-8-2021;

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Từ Công T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Từ Công T không trình bày tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 (Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có con nhỏ) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng lương khoan hồng của pháp luật.

Người bị hại bà Thạch Thị Hồng N có ý kiến tranh luận tại phiên tòa yêu cầu bị cáo bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền 10.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, mặt khác người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 02-8-2021 sau khi ăn thịt ngỗng xong, thì bị cáo lấy khẩu trang và cầm theo con dao trước đó dùng làm thịt ngỗng đi đến nhà chị Thạch Thị Hồng N ở bên cạnh nhà T để trộm cắp tài sản. Do cửa cổng chính khóa nên T trèo lên tường rồi chui qua lỗ hở lưới B40 để vào trong sân nhà chị N. Khi vào nhà, T thấy chị N và hai đứa con của chị N đang ngủ tại phòng khách. T đi lục tìm tài sản để trộm cắp, T tìm thấy trong hộc tủ ti vi lấy được một điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475 của chị N rồi tiếp tục lấy chiếc khóa ra mở cửa cổng nhà chị N. Sau đó T quay lại lục tìm trong ba lô treo trên tường bên cạnh phòng chị N đang ngủ để trộm cắp tài sản nhưng không có, T lấy một cái quần trong ba lô trùm lên đầu của mình rồi đi vào phòng chị N đang ngủ tiếp tục lục tìm tài sản nhưng không có. Thấy chị N đang ngủ với hai đứa con nhỏ nên T nảy sinh ý định và thực hiện hành vi giao cấu với chị N. T đến kéo mềm thì chị N tỉnh dậy, T liền cầm dao đe dọa “im đi không thì tao giết” nên chị N không dám kháng cự, T thực hiện hành vi giao cấu. Sau khi quan hệ tình dục xong, T mang theo điện thoại và con dao trên về nhà cất giấu, rồi mang khẩu trang cùng cái quần đã lấy trong nhà chị N vứt xuống ruộng Giang ở thôn H, xã P, huyện N để phi tang.

Hành vi của bị cáo Từ Công T đã phạm tội “Hiếp dâm”. Được quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người thành niên có sức khỏe, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc giao cấu trái ý muốn của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ bị cáo cố ý phạm tội; Tội phạm bị cáo thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự là tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 07 năm tù.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Từ Công T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp ổn định. Nên không áp dụng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 141 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475. Đây là tài sản mà T đã chiếm đoạt của chị N, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị N và chị N đã nhận không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

+ 01 (Một) con dao có chiều dài 25,5 cm. Phần cán dao bằng nhựa màu đen, chiều rộng cán dao lớn nhất là 2,8 cm, chiều rộng cán dao nhỏ nhất là 2,4 cm, cán dao có chiều dài 11 cm. Phần lưỡi dao bằng kim loại là 04 cm, chiều rộng nhỏ nhất của lưỡi dao là 2,7 cm. Đây là con dao T dùng để gây án, qua điều tra xác định con

dao này của mẹ ruột T là bà Ngụy Thị S mua sử dụng. Bà S không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với khẩu trang màu xanh dương và chiếc quần ngắn sáng màu mà T sử dụng khi gây án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Thạch Thị Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Thạch Thị Hồng N số tiền 10.000.000đ.

- Đối với hành vi trộm cắp tài sản là điện thoại di động hiệu Vsmart Bee 3, màu xanh đen, số IMEI 1: 352705115208561, số IMEI 2: 352705115208579, gắn thẻ sim số 0839513475 của bị cáo, Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KLĐGTS-PTCKH ngày 19/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện N xác định: Giá trị chiếc điện thoại của chị N, bị T chiếm đoạt có giá trị là 1.431.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi một ngàn đồng) nên không đủ định lượng và mặt khác, T chưa có tiền sự về hành vi xâm phạm sở hữu, nên cơ quan Điều tra Công an huyện N không khởi tố tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Đối với lời khai của chị N khai có bị mất tiền mặt là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của chị N không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh chị bị mất tiền và T không thừa nhận có việc trộm của chị N số tiền 1.000.000 đồng nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về trách nhiệm hình sự và dân sự đối với bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Từ Công T có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị Thạch Thị Hồng N và sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử phạt hành chính theo Quyết định số 0001149, ngày 30/9/2021 với hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng nên không đề cập trong vụ án này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Đối với lời khai của Từ Công T khai khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn có Quảng Đại Anh G cùng tham gia. Quá trình điều tra, G không thừa nhận cùng T thực hiện hành vi trộm cắp, mặt khác tài sản bị chiếm đoạt chưa đủ định lượng và G chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên cơ quan Điều tra Công an huyện N không có căn cứ để xử lý đối với G về hình sự và dân sự là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về việc Từ Công T khai cùng Quảng Đại Anh G, Vạn Duy T, Thành Phú D, Kiều Thanh R và một số đối tượng khác sử dụng trái phép chất ma túy. Vụ việc đã được Công an xã P lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[11]. Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu áp dụng khoản 2 Điều 51 (Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có con nhỏ) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thì không đủ căn cứ và tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Từ Công T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Từ Công T (U) phạm tội “Hiếp dâm”.

Xử phạt: Bị cáo Từ Công T (U) 03 (Ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “Hướng dẫn áp dụng về Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”.

Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST, ngày 01-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện N về tội “Cướp giật tài sản” chuyển thành 12 (Mười hai) tháng tù giam. Buộc bị cáo Từ Công T (U) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 02-8-2021.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) con dao có chiều dài 25,5cm. Phần cán dao bằng nhựa màu đen, chiều rộng cán dao lớn nhất là 2,8cm, chiều rộng cán dao nhỏ nhất là 2,4cm, cán dao có chiều dài 11cm. Phần lưỡi dao bằng kim loại, chiều dài lưỡi dao dài 14,5cm, chiều rộng nhất của lưỡi dao là 04cm, chiều rộng nhỏ nhất của

lưỡi dao là 2,7cm. Được niêm phong bằng cách dùng giấy A4 dán kín bọc dao bên trong, có chữ ký giáp lai của Từ Công T.

Hiện vật chứng trên đang được nhập kho tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (Không kiểm tra tình trạng bên trong của vật chứng trên) theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21-10-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Từ Công T (U) phải bồi thường cho chị Thạch Thị Hồng N số tiền 10.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Từ Công T (U) được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-11-2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thanh Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

